

Bản án số: 49/2019/HS - ST

Ngày: 24 – 10 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng

2. Ông Nguyễn Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nhật Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Lập - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2019/TLST - HS, ngày 27 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2019/QĐXXST – HS, ngày 09 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Võ Văn T, sinh năm 1977, tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn N (đã chết) và bà Trần Thị L, sinh năm 1941; có vợ Lê Thị H, sinh năm 1981; Con 05 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: xấu; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 04/7/2019 đến ngày 13/7/2019 chuyển sang biện pháp tạm giam đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Hữu P, sinh năm 1961, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Tấn T (đã chết) và bà Chung Thị S (đã chết); có vợ Khuru Bích T, sinh năm 1969; Con 01 người, sinh năm 1996; Tiền sự: không; Tiền án: 01. Ngày 19/5/1998 Bị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa*” và 05 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”; Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 06 năm tù theo bản án số 39/HSST; Nhân thân: xấu; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ

ngày 04/7/2019 đến ngày 13/7/2019 chuyển sang biện pháp tạm giam đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Dương Thị N, sinh năm 1944

2. Chị Chung Ngọc Đ, sinh năm 1979

Đồng trú tại: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Chị Lê Võ Tuyết Nh, sinh ngày 09/5/2001

4. Anh Lê Văn Y, sinh năm 2004

Đồng trú tại: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của Lê Văn Y:

1. Ông Lê Văn K, sinh năm 1975 (cha ruột)

2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983 (mẹ ruột)

Đồng trú tại: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Cao Văn C, sinh năm 1997

Trú tại: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Anh Võ Văn Tr, sinh năm 1989

Trú tại: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1956

Trú tại: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tất cả Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Văn Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 0 giờ, ngày 04 tháng 7 năm 2019, sau khi đi chơi về, Võ Văn T và Bùi Hữu P bàn bạc thống nhất đi trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84K5-2673 chở P về nhà lấy 01 cây kiếm cộng lực. Sau đó, T điều khiển xe chở P từ thành phố T đi đến địa phận huyện C tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 02 giờ, khi đến tiệm tạp hóa của Chung Ngọc Đ, tọa lạc ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì dừng xe lại P xuống xe dùng kiếm cắt lưới B40, T đi vào bên trong tiệm lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đỏ đen, loại điện thoại bàn phím của Dương Thị N, sinh năm 1944, nơi cư trú ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; 01 thùng nhôm màu trắng bên trong có 1.232.000 đồng (tiền Việt Nam) của Chung Ngọc Đ, sinh năm 1977 cùng nơi cư trú với N. Sau khi lấy được tài sản, P điều khiển xe chở T đi đến cầu D (tên gọi khác là Cầu Đ), thuộc ấp C, xã N, huyện C thì dừng xe lại kiểm tra tài sản trộm được, điện thoại T bỏ vào cốp xe, T lấy tiền trong thùng nhôm bỏ vào trong túi quần và ném bỏ thùng xuống sông. T tiếp tục điều khiển xe chở P đến cầu D thuộc ấp N, xã Đ, huyện C. Tại đây, T lấy tiền trộm được chia cho P 662.000 đồng, T 570.000 đồng. sau khi chia tiền xong lúc này khoảng 03 giờ cùng ngày, P và T nhìn thấy dưới dốc cầu có nhà Cao Văn C, tọa lạc ấp N, xã Đ, huyện C

thì T và P thống nhất đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản. khi đến cửa rào nhà C thì T và P thay nhau dùng kiềm cắt khung cửa lưới B40. Sau khi cắt được lưới rào, P đi vào nhà lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, màn hình cảm ứng, màu hồng của Lê Võ Tuyết Nh, sinh ngày 09/5/2001, cư trú ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI MI MAX 2, màn hình cảm ứng, màu trắng của Lê Văn Y, sinh năm 2004, cùng nơi cư trú với Nh. Sau khi lấy được 02 điện thoại P đưa cho T điện thoại di động OPPO F5 còn P giữ lại điện thoại XIAOMI MI MAX. Sau đó T điều khiển xe chở P đi về hướng thành phố T, khi đến ấp Tt, xã Đ thì bị lực lượng tuần tra công an huyện C bắt quả tang (Bút lục 184-195).

Tại kết luận định giá số: 849/KL.ĐGTS ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Càng Long kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đỏ đen, loại điện thoại bàn phím của Dương Thị N tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 100.000 đồng. (Bút lục 110-111).

Tại kết luận định giá số: 688/KL.ĐGTS ngày 04/7/2019 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Càng Long kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, màn hình cảm ứng, màu hồng của Lê Võ Tuyết Nh tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 3.500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI MI MAX 2, màn hình cảm ứng, màu trắng của Lê Văn Y tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 2.500.000 đồng. (Bút lục 112-113).

Về vật chứng: Khi bắt quả tang thu giữ trên người Võ Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, màn hình cảm ứng, màu hồng; 01 đèn pin sạc điện màu trắng xanh; 720.000 đồng và thu giữ trên người Bùi Hữu P 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI MI MAX 2, màn hình cảm ứng, màu trắng; 01 đèn pin sạc điện màu trắng hồng; 842.000 đồng.

Ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ 01 xe mô tô kiểm soát 84K5- 2673, màu đen, số máy: E5113292, số khung RLSBE40J070113295; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đỏ đen, loại điện thoại bàn phím; 01 cây kiềm bấm bằng kim loại màu trắng có chữ "LUXTOP"; 01 cây tua vít loại hai đầu dài 24cm; 01 cây kiềm bằng kim loại màu trắng dài 15,5cm; 01 cờ lê bằng kim loại màu xám có ghi số 10 và 12, dài 12,5cm; 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng, cán bằng nhựa màu xanh, dài 17cm; 98.000 đồng; 01 cây kiềm cộng lực loại nhỏ bằng kim loại màu đen, phần cán bằng nhựa màu cam đen, trên kiềm có chữ MEINFA, dài 20cm (Bút lục 69,70).

Ngày 27/8/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long trao trả lại cho Lê Võ Tuyết Nh 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 màn hình cảm ứng, màu hồng; Lê Văn Y 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI MI MAX 2, màn hình cảm ứng, màu trắng; Dương Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đỏ đen, loại điện thoại bàn phím và Chung Ngọc Đ 1.232.000 đồng (Bút lục 114, 115).

Tại bản cáo trạng số: 51/CT -VKSCS ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long đã truy tố các bị cáo Võ Văn T và Bùi Hữu

P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn T và Bùi Hữu P hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long và thừa nhận hành vi phạm tội của hai bị cáo như sau: Vào khoảng từ 02 giờ đến 03 giờ sáng ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại tiệm tạp hóa của Chung Ngọc Đ, tọa lạc ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo Võ Văn T và Bùi Hữu P đã lấy trộm của Chung Ngọc Đ 1.232.000 đồng; Dương Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đỏ đen, loại điện thoại bàn phím, trị giá 100.000 đồng. Tại nhà Cao Văn C tọa lạc ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh Võ Văn T và Bùi Hữu P lấy trộm của Lê Võ Tuyết Nh 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 màn hình cảm ứng, màu hồng; Lê Văn Y 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI MI MAX 2, màn hình cảm ứng, màu trắng, sau đó bị phát hiện.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long: Hành vi của các bị cáo Võ Văn T và Bùi Hữu P bị truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vụ án này có hai bị cáo tham gia thực hiện nhưng chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không phân công nhiệm vụ rõ ràng. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng, bị cáo P có tình tiết tăng nặng là tái phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Xử phạt bị cáo Võ Văn T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 04/7/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Xử phạt bị cáo Bùi Hữu P mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 04/7/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không xét.

Ngoài ra vị còn đề nghị xử lý vật chứng và nghĩa vụ nộp án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo Võ Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và rất hối hận, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Bùi Hữu P nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của hai bị cáo là vi phạm pháp luật và rất hối hận, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Chung Ngọc Đ, bà Dương Thị N, chị Lê Võ Tuyết Nh, anh Lê Văn Y là người bị hại; Ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị Th là người đại diện của Lê Văn Y; Anh Cao Văn C, bà Nguyễn Thị Ph, ông Võ Văn

Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; những người nêu trên đã có lời khai rõ trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn T và Bùi Hữu P không có ý kiến hoặc khiếu nại khác về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố. Do đó, có căn cứ xác định hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về hành vi phạm tội: Bị cáo Võ Văn T và Bùi Hữu P khai nhận ngày 04/7/2019, sau khi đi chơi về, hai bị cáo bàn bạc thống nhất đi trộm cắp tài sản, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84K5-2673 chở bị cáo P từ thành phố T đi đến địa phận huyện C tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 02 giờ 03 giờ sáng, hai bị cáo Võ Văn T và Bùi Hữu P đã lén lút lấy trộm của chị Chung Ngọc Đ 1.232.000 đồng; bà Dương Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đỏ đen, loại điện thoại bàn phím; của Lê Võ Tuyết Nh 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 màn hình cảm ứng, màu hồng; Lê Văn Y 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI MI MAX 2, màn hình cảm ứng, màu trắng. Sau đó, hai bị cáo bị lực lượng tuần tra Công an huyện Càng Long phát hiện bắt quả tang. Lời khai của bị cáo T và bị cáo P tại phiên tòa phù hợp với lời khai của hai bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án được thu thập trong giai đoạn điều tra, truy tố. Như vậy, hành vi của bị cáo Võ Văn T và bị cáo Bùi Hữu P đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo Võ Văn T và bị cáo Bùi Hữu P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa chữa, bổ sung năm 2017 là có căn cứ pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, hai bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị nghiêm trị. Nhưng do bản tính lười lao động, hai bị cáo không chủ động tìm kiếm việc làm phù hợp với bản thân để chăm lo cho gia đình, làm gương cho các con. Ngược lại để có tiền tiêu xài, hai bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác để thỏa mãn lợi ích của cá nhân. Trong vụ án này có hai bị cáo tham gia thực hiện nhưng chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, hai bị cáo đã rủ rê nhau đi tìm kiếm tài sản của người dân không người trông giữ để lấy trộm. Tại tiệm tạp hóa của chị Chung Ngọc Đ, bị cáo P đã dùng kiếm cắt lưới B40 để bị cáo T vào bên trong tiệm lấy trộm của bà Dương Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đỏ đen, loại điện thoại bàn phím trị giá 100.000 đồng và của chị Chung Ngọc Đ 1.232.000 đồng. Tại nhà anh Cao Văn C hai bị cáo T và P

thay nhau dùng kiềm cắt khung cửa lưới B40, bị cáo P vào nhà lấy trộm của Lê Võ Tuyết Nh 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 màn hình cảm ứng, màu hồng trị giá 3.500.000 đồng; Lê Văn Y 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI MI MAX 2, màn hình cảm ứng, màu trắng trị giá 2.500.000 đồng. Hành vi của hai bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác một cách trái pháp luật được pháp luật hình sự bảo vệ với lỗi cố ý trực tiếp đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn trật tự địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nên việc xử phạt tù hai bị cáo là cần thiết.

[5]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với hai bị cáo cần phải xem xét:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị bắt quả tang và tại phiên tòa hai bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo P có một tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa*” và “*Trộm cắp tài sản công dân*” với tổng mức hình phạt 06 (sáu) năm tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa chấp hành xong quyết định khác của bản án nên bị cáo chưa được xóa án tích mà bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm do cố ý đây là trường hợp bị cáo tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra bị cáo Phước còn 03 lần bị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử phạt tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”, và tội “*Cướp tài sản*”, một lần bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xử phạt tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng đã chấp hành xong bản án.

Đối với bị cáo T từng hai lần bị Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xử phạt tù về tội *Trộm cắp tài sản*”, bị Công an huyện Cầu Ngang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, nhưng sau khi chấp hành bản án, quyết định bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, chứng tỏ bị cáo chưa hoàn lương, chưa cải tạo tốt.

Từ các phân tích về hành vi phạm tội của hai bị cáo, tính chất của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của hai bị cáo. Xét thấy, bị cáo T và bị cáo P thuộc đối tượng khó cải tạo, giáo dục. Do đó cần phải cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính răn đe của pháp luật và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu hai bị cáo bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hội đồng xét xử xét thấy tài sản sau đây là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung vào công quỹ Nhà Nước: 01 xe mô tô kiểm soát 84K5- 2673, màu đen, số máy: E5113292, số khung RLSBE40J070113295 và 01 cây kiềm cộng lực loại nhỏ bằng kim loại màu đen, phần cán bằng nhựa màu cam đen, trên kiềm có chữ MEINFA, dài 20cm.

Hoàn trả lại tài sản không dùng thực hiện hành vi phạm tội cho bị cáo T 01 cây kiềm bấm bằng kim loại màu trắng có chữ “LUXTOP”; 01 cây tua vít loại hai đầu dài 24cm; 01 cây kiềm bằng kim loại màu trắng dài 15,5cm; 01 cờ lê bằng kim loại màu xám có ghi số 10 và 12, dài 12,5cm; 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng, cán bằng nhựa màu xanh, dài 17cm; 01 đèn pin sạc điện màu trắng xanh. Trả cho bị cáo Phước 01 đèn pin sạc điện màu trắng hồng.

Hoàn trả lại số tiền không liên quan đến việc thực hiện phạm tội cho bị cáo T 248.000 đồng, bị cáo P 180.000 đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án về nghĩa vụ án phí cho hai bị cáo.

Tất cả vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long đang quản lý.

[8]. Ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí: Các bị cáo Võ Văn T và Bùi Hữu P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố hai bị cáo Võ Văn T và Bùi Hữu P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu P 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2019.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu hai bị cáo bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào công quỹ Nhà Nước 01 xe mô tô kiểm soát 84K5-2673, màu đen, số máy: E5113292, số khung RLSBE40J070113295 và 01 cây kiềm cộng lực loại nhỏ bằng kim loại màu đen, phần cán bằng nhựa màu cam đen, trên kiềm có chữ MEINFA, dài 20cm.

Hoàn trả lại cho bị cáo Võ Văn T 01 cây kiềm bấm bằng kim loại màu trắng có chữ “LUXTOP”; 01 cây tua vít loại hai đầu dài 24cm; 01 cây kiềm bằng kim loại màu trắng dài 15,5cm; 01 cờ lê bằng kim loại màu xám có ghi số 10 và 12, dài 12,5cm; 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng, cán bằng nhựa màu xanh, dài 17cm; 01 đèn pin sạc điện màu trắng xanh.

Hoàn trả lại cho bị cáo Bùi Hữu P 01 đèn pin sạc điện màu trắng hồng.

Hoàn trả lại cho bị cáo Võ Văn T 248.000 đồng (*Hai trăm, bốn mươi tám nghìn đồng*), bị cáo Bùi Hữu P 180.000 đồng (*Một trăm, tám mươi nghìn đồng*) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án về nghĩa vụ án phí cho hai bị cáo.

Tất cả vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long đang quản lý.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; buộc hai bị cáo Võ Văn T và Bùi Hữu P mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Trang**

(Đã ký)